

A, ngày 07 tháng 5 năm 2021

Số: 152/2021/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 264/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021, về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, giữa:

**Nguyên đơn:** Chị **Kim Thị B** - Sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Tuyên Quang.

**Bị đơn:** Anh **Tô Văn D** - Sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 6 Điều 19; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 4 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Kim Thị B và anh Tô Văn D; Chị B và anh D cùng trú tại: Thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Tuyên Quang.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Kim Thị B và anh Tô Văn D thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Kim Thị B và anh Tô Văn D thoả thuận nhất trí giao cháu Tô Thanh T – Sinh ngày: 19/01/2018 cho chị Kim Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến

khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 29/4/2021. Anh Tô Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

- **Về tài sản chung và công nợ:** Chị Kim Thị B và anh Tô Văn D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Kim Thị B và anh Tô Văn D thỏa thuận nhất trí để chị Kim Thị B chịu 150.000<sup>d</sup> án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> theo biên lai số AA/2021/0001672 nộp ngày 13/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tuyên Quang.

Trả lại cho chị Kim Thị B 150.000<sup>d</sup> tiền chênh lệch tạm ứng án phí.

Anh Tô Văn D không phải chịu án phí.

***3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.***

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã E, huyện G, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Việt C**